

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2021/HS-ST**

Ngày: **21 - 9 - 2021**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Nguyên và ông Trịnh Ngọc Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Sơn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2021/TLST- HS ngày 01 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 92/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 352/TB-TA ngày 09 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 400/TB-TA ngày 31 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Lương Hoàng H** – Tên gọi khác: H, sinh năm 1984, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu X, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương D, sinh năm 1962 và bà Võ Thị H, sinh năm 1964; vợ: Nguyễn Thảo C, sinh năm 1994; có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giam từ ngày 05/02/2021 đến ngày 19/5/2021 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. **Nguyễn Hoàng H1**, sinh năm 1986, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu Y, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1957 và Võ Thị N, sinh năm 1961; vợ: Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1991; có 04 con, lớn nhất sinh năm 2015 và nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giam từ ngày 05/02/2021 đến nay (có mặt).

3. **Huỳnh Văn M**, sinh năm 1987, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu 5, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967; vợ, con, tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/5/2012, Toà án nhân dân tỉnh

Đồng Nai xử phạt 06 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị tạm giam từ ngày 05/02/2021 đến nay (có mặt).

4. **Tân Văn T** – Tên gọi khác: T M, sinh năm 1994, tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu Z, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tân Văn L, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1972; Sống chung như vợ chồng với: Trần Thị Diễm M, sinh năm 1996; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2019 và nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/9/2008, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt Tân Văn T 05 năm tù về tội Hiếp dâm trẻ em và ngày 11/10/2013, Ủy ban nhân dân huyện T P, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 1950/QĐ-UBND đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 24 tháng đối với Tân Văn T vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 03/01/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 12, TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 13/QĐ-TA với thời hạn là 18 tháng; bị tạm giam từ ngày 05/02/2021 đến nay (có mặt).

5. **Hoàng Vĩnh H 2** – Tên gọi khác: Ve, sinh năm 1999, tại Đồng Nai nơi cư trú: Ấp SS 1, xã P V, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Ứng L, sinh năm 1974 và bà Lục Khánh V, sinh năm 1968; vợ, con, tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giam từ ngày 05/02/2021 đến nay (có mặt).

- *Bị hại:*

+ Chị Phạm Thị Bích V, sinh năm 1995, nơi cư trú: Ấp J, xã P H, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

+ Chị Phạm Thị Bích P, sinh năm 1999, nơi cư trú: Ấp K, xã P Đ, huyện T P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Thảo C, sinh năm 1994, nơi cư trú: Khu X, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

+ Anh Võ Ngọc S, sinh năm 1990, nơi cư trú: Khu 5, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

+ Anh Trương Hải P, sinh năm 1989, nơi cư trú: Ấp J, xã Trà Cỏ, huyện T P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

+ Anh Tống Thành Đ, sinh năm 1993, nơi cư trú: Ấp L, xã T C, huyện T P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

+ Anh Phan Hoàng Ph, sinh năm 1996, nơi cư trú: Ấp J, xã P Đ, huyện T P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Hoàng H, Tân Văn T, Nguyễn Hoàng H1, Huỳnh Văn M, Hoàng Vĩnh H2 là bạn bè với nhau và cùng nghiện ma túy. Phạm Thị Bích V, sinh năm 1995, nơi cư trú: Ấp J, xã P H, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và Phạm Thị

Bích P, sinh năm 1999, nơi cư trú: Ấp K, xã P Đ, huyện T P, tỉnh Đồng Nai là chị em ruột.

Lương Hoàng H có biết Phạm Thị Bích V thông qua giới thiệu của M; V có đến nhà H vài lần để cùng sử dụng ma túy. H muốn mua hàng về bán. Biết vậy nên V giới thiệu cho H một người bạn của V ở Thành phố Hồ Chí Minh để H mua hàng. Sau đó, H chuyển 46.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng cho bạn của V để mua hàng và V sẽ đi xuống Thành phố Hồ Chí Minh để nhận hàng về giao cho lại H nhưng chờ lâu mà V không đi lấy hàng về, mà cũng không gửi trả lại tiền cho H. Do đó, H nghi ngờ số tài khoản mà H chuyển tiền là của V. Vì vậy, H muốn gặp V để yêu cầu V giao hàng hoặc trả lại tiền nhưng V nhiều lần trốn tránh không chịu gặp H. Khoảng 15 giờ ngày 03/02/2021, H nhờ H1, T, H2 và Võ Ngọc S, sinh năm 1990, nơi cư trú: Khu X, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai điều khiển xe mô tô đi vào nhà P để chở P ra nhà H thuộc khu X, thị trấn T P, huyện T P nói chuyện về vấn đề của V. Sau đó, H1, T, H2 và S chạy vào nhà P và chở P ra nhà H. Khi đến nơi nhưng H không ở nhà nên P ngồi đợi tại sân. Lúc này, P có đưa điện thoại di động cho H2 nhờ xin mật khẩu Wifi nhưng đợi lâu không thấy H2 trả điện thoại nên P đi bộ ra ngoài đầu đường Trà Cỏ. Thấy vậy, Hạnh, T, Sang đi theo và nói P quay lại nhà H nhưng P không đồng ý và yêu cầu H2 trả lại điện thoại cho P. H2 quay trở lại nhà H để gặp Nguyễn Thảo C, sinh năm 1994, nơi cư trú: Khu 5, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai (vợ bị cáo H) lấy điện thoại nhưng C đang ăn không trả nên H2 ở lại nhà H. Khi biết P bỏ đi ra ngoài, H1 điều khiển xe mô tô chạy ra gặp P và yêu cầu P phải quay trở lại nhà của H nhưng P không đồng ý, liền bị H1 dùng tay tát hai cái vào mặt P; T thấy vậy cũng đi đến tát một cái vào mặt P, P ôm mặt ngồi xuống đất. Cùng lúc đó, H điều khiển xe mô tô chở phía sau M chạy về nhà thì thấy P, T, H1 đang đứng ngoài đầu đường nên hỏi H1 “Sao không vào nhà mà lại đứng đây?”, H1 trả lời “P không chịu vào”, H bực tức nói “nó không vào thì lôi đầu nó vào”, nghe vậy T đi đến dùng tay kẹp cổ, khống chế bắt P lên xe mô tô của H1 để chở vào nhà H. Tại nhà H, H tra hỏi P về vấn đề mâu thuẫn tiền bạc với V, yêu cầu P liên lạc với V để gặp H giải quyết. Đến 16 giờ 15 phút cùng ngày, Công an thị trấn T P nhận được tin báo nên tiến hành kiểm tra nhà H và mời H2, H1, T, Sang và chị P về làm việc.

Đến tối ngày 04/02/2021, Lương Hoàng H biết được V đang ở cùng Trương Hải P, sinh năm 1989, nơi cư trú: Ấp J, xã T C, huyện T P, tỉnh Đồng Nai và Tống Thành Đ, sinh năm 1993, nơi cư trú: Ấp L, xã T C, huyện T P, tỉnh Đồng Nai nên gọi điện thoại cho P nhờ P chở V ra gặp H để nói chuyện thì Ph đồng ý. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Ph nhờ Đ chở V ra nhà H. Khi đến nhà H, Đ đi vào gặp H nói đã chở V đến rồi quay ra đi về. V thấy Đ quay ra, lo sợ sẽ bị nhóm của H đánh như P nên V cũng quay ra theo Đ thì bị H2 dùng tay ôm V lại, khống chế đẩy V vào phòng của H. Khi vào đến phòng, H bắt V ngồi vào trong góc tường, tra hỏi V về số tiền H đã chuyển khoản nhưng V không thừa nhận là V giữ số tiền trên, H dùng tay đánh và chân đá nhiều cái vào đầu và người V; H1 thấy vậy cũng đến tra hỏi V và dùng tay đánh vào mặt V. Một lúc sau, M đi vào phòng, dùng một cây kim hù dọa sẽ cắt tay V nếu V không nói số tiền của H đang ở đâu, V van xin M thì M dừng lại. Sau đó, H bắt V bắt nằm trong góc tường. Khoảng 09 giờ ngày 05/02/2021, V lợi dụng lúc nhóm của H không để ý đã nhấn

tin cho P nhờ P cầu cứu đến cơ quan công an. Đến 10 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T P phối hợp cùng Công an thị trấn T P kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với H và đồng phạm về hành vi Giữ người trái pháp luật đối với Phạm Thị Bích V. Khi bắt giữ V thì H và H1 biết chị V đang mang thai tháng thứ ba; còn H2 và M không biết chị V đang mang thai.

Quá trình điều tra, Lương Hoàng H, Tân Văn T, Nguyễn Hoàng H1, Huỳnh Văn M, Hoàng Vĩnh H2 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Cáo trạng số 69/CT-VKSTP-ĐN ngày 31/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T P đã truy tố các bị cáo Lương Hoàng H và Nguyễn Hoàng H1 về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Tân Văn T về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các bị cáo Huỳnh Văn M, Hoàng Vĩnh H2 về tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T P thực hiện quyền công tố đã luận tội, tranh luận, phân tích dấu hiệu phạm tội, đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T P giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về tội danh: Lương Hoàng H, Nguyễn Hoàng H1 và Tân Văn T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; Huỳnh Văn M và Hoàng Vĩnh H2 phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

- Về mức hình phạt:

Căn cứ điểm d, e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: Các bị cáo Lương Hoàng H và Nguyễn Hoàng H1 từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: Tân Văn T từ 14 (mười bốn) tháng tù đến 16 (mười sáu) tháng tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: Huỳnh Văn M từ 10 (mười) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù;

Căn cứ khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, năm 2017); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt: Hoàng Vĩnh H2 từ bằng tạm 07 (bảy) tháng 16 (mười sáu) ngày tù, bằng thời gian tạm giam và tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu như bị cáo không phạm một tội khác;

- Về biện pháp tư pháp: Đối với các tài sản gồm xe mô tô, điện thoại di động các loại và một laptop hiệu HP loại Title Book thu giữ của Lương Hoàng H, Huỳnh Văn M, Tân Văn T, Hoàng Vĩnh H2 không liên quan đến việc phạm tội nên đã trao trả cho các chủ sở hữu trên.

Đối với Lương Hoàng H có hành vi tàng trữ 02 khẩu súng và 02 quả lựu đạn: Tại Kết luận giám định số 1564/C09B ngày 12/3/2021, Kết luận giám định số 1796/C09B ngày 24/3/2021 và Kết luận giám định số 1920/C09B ngày 06/4/2021 của Viện khoa học hình sự thuộc Bộ Công an kết luận khẩu súng ngắn gửi giám định là công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng, 02 viên đạn được thay đầu đạn dạng bi bằng kim loại là đạn nổ uy hiếp, 02 quả lựu đạn tập được sử dụng trong huấn luyện quân sự và không thuộc nhóm vũ khí quân dụng. Xét thấy hành vi tàng trữ 02 khẩu súng và 02 quả lựu đạn của Lương Hoàng H không thuộc Trường hợp tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng nên Công an huyện T P đã làm tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lương Hoàng H nên không xem xét, xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Bích V và Phạm Thị Bích P bị thương nhẹ và các bị cáo đã bồi thường đầy đủ nên không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với Võ Ngọc S, Hoàng Vĩnh H, Huỳnh Văn M không có sự bàn bạc, thống nhất ý chí với Lương Hoàng H, Nguyễn Hoàng H1 và Tân Văn T trong việc khống chế bắt, giữ chị Phạm Thị Bích P ngày 03/02/2021 nên không xử lý trách nhiệm hình sự;

Đối với Tân Văn T: Không có sự tham gia bàn bạc dùng vũ lực, đe dọa, bắt ép để giữ V, không cho V đi khỏi phòng của H vào ngày 05/02/2021 nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Trương Hải P, Tống Thành Đ: Không có sự ép buộc, V phải đến nhà H nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy: Quá trình điều tra xác định được: Ngày 03/02/2021, L và C là bạn của H (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến nhà H chơi và mang ma túy đến sử dụng nhưng vẫn còn một ít trên bình thủy tinh để dưới gầm bàn. Đến ngày 05/02/2021, khi H đi ngủ thì H1, T, M và H2 tự ý lấy ma túy ra sử dụng nên H không biết và khi bắt công an bắt giữ không thu được ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T P tiếp tục điều tra và xử lý sau

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Nội dung lời khai của những người tham gia tố tụng trong hồ sơ vụ án:

- Lời trình bày ý kiến, tranh luận của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời trình bày của các bị hại Phạm Thị Bích V và Phạm Thị Bích P: Hành vi của các bị cáo đối đã thực hiện đối với các bị hại đúng như Cáo trạng đã mô tả. Các bị cáo gây thương tích nhẹ đối với các bị hại và các bị cáo đã bồi thường cho bị hại V số tiền 1.000.000 đồng và bị hại P số tiền 2.000.000 đồng. Hiện các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T P, Viện kiểm sát nhân dân huyện T P:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2.] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Xét về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do Lương Hoàng H và Phạm Thị Bích V xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc nhưng V né tránh không chịu gặp H để giải quyết. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03/02/2021, tại khu x, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai, theo sự chỉ đạo của Lương Hoàng H, Nguyễn Hoàng H1 và Tân Văn T đã đánh, khống chế, bắt Phạm Thị Bích P là em gái của V đưa vào nhà Lương Hoàng H để ép V đến gặp H và giữ P đến 16 giờ 15 phút cùng ngày thì bị công an thị trấn T P phát hiện đưa về trụ sở làm việc.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 04/02/2021, tại nhà Lương Hoàng H thuộc khu 5, thị trấn T P, huyện T P, tỉnh Đồng Nai, khi chị Phạm Thị Bích V định đi về nhà thì Hoàng Vĩnh H2 ôm giữ chị V lại và đẩy V vào trong phòng của H. Lương Hoàng H không cho chị V đi về. Tại phòng của Lương Hoàng H, H và Nguyễn Hoàng H1 đã đánh chị V và Huỳnh Văn M dùng kim đe dọa cắt ngón tay chị V, khóa cửa để giữ không cho V đi ra khỏi phòng của H. Đến 10 giờ ngày 05/02/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T P tiến hành khám xét, bắt quả tang Lương Hoàng H và đồng phạm về hành vi Giữ người trái pháp luật, đồng thời giải cứu Phạm Thị Bích V. Khi giữ chị V, Lương Hoàng H và Nguyễn Hoàng H1 biết chị V đang mang thai ở tháng thứ ba nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội; các bị cáo Hoàng Vĩnh H và Huỳnh Văn M không biết chị V đang mang thai.

Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Lương Hoàng H và Nguyễn Hoàng H1 phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Tân Văn T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Huỳnh Văn M và Hoàng Vĩnh H2 phạm tội “Giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền tự do cá nhân của con người được pháp luật hình sự bảo vệ; làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người đã thành niên nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, đã thực hiện hành vi bất, giữ người trái pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Lương Hoàng H tham gia với vai trò người khởi xướng và thực hành; Nguyễn Hoàng H1, Huỳnh Văn M, Tân Văn T, Hoàng Vĩnh H2 tham gia với vai trò là người thực hành. Do đó, mức hình phạt đối với bị cáo H là nặng hơn so với các bị cáo còn lại.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương. Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như trên nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[2.3] Về tình tiết tăng nặng: Huỳnh Văn M, Hoàng Vĩnh H2 bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội đối với phụ nữ có thai quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo khác không có tình tiết tăng nặng.

[2.4] Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Hoàng Vĩnh H được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc Trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lương Hoàng H, Huỳnh Văn M, Tân Văn T và Nguyễn Hoàng H1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tòa án mở phiên tòa công khai xét xử vụ án để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo và để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[2.5] Về nhân thân: Bị cáo M và bị cáo T có nhân thân xấu.

Ngày 17/5/2012, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt Huỳnh Văn M 06 năm tù về tội Cố ý gây thương tích.

Ngày 30/9/2008, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt Tân Văn T 05 năm tù về tội Hiếp dâm trẻ em. Ngày 11/10/2013, Ủy ban nhân dân huyện T P, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 1950/QĐ-UBND đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc trong thời hạn 24 tháng đối với Tân Văn T vì có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 03/01/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 12, TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 13/QĐ-TA với thời hạn là 18 tháng.

[3] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 cân tiểu ly hiệu NILP SEVEN màu xanh, 50 bịch ni lông màu trắng kích thước 07x09cm, 05 bịch ni lông màu trắng kích thước 03 x 09 cm, 01 bình thủy tinh màu trắng để sử dụng ma túy vì đây là vật chứng liên quan đến vụ án, không còn giá trị sử dụng.

Đối với các tài sản gồm xe mô tô, điện thoại di động các loại và một laptop hiệu HP loại Title Book thu giữ của Lương Hoàng H, Huỳnh Văn M, Tân Văn T, Hoàng Vĩnh H không liên quan đến việc phạm tội nên đã trao trả cho các chủ sở hữu là đúng pháp luật.

Đối với Lương Hoàng H có hành vi tàng trữ 02 khẩu súng và 02 quả lựu đạn: là công cụ hỗ trợ, không phải vũ khí quân dụng, 02 viên đạn được thay đầu đạn dạng bi bằng kim loại là đạn nổ uy hiếp, 02 quả lựu đạn tập được sử dụng trong huấn luyện quân sự và không thuộc nhóm vũ khí quân dụng nên Công an huyện T P đã làm tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lương Hoàng H là đúng pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho các bị hại. Các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với Võ Ngọc S, Hoàng Vĩnh H, Huỳnh Văn M không có sự bàn bạc, thống nhất ý chí với Lương Hoàng H, Nguyễn Hoàng H1 và Tân Văn T trong việc khống chế bắt, giữ chị Phạm Thị Bích P ngày 03/02/2021 nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Tân Văn T: Không có sự tham gia bàn bạc dùng vũ lực, đe dọa, bắt ép để giữ V, không cho V đi khỏi phòng của H vào ngày 05/02/2021 nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Trương Hải P, Tống Thành Đ: Không có sự ép buộc, V phải đến nhà H nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với hành vi các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy: Quá trình điều tra xác định được: Ngày 03/02/2021, Lộc và Cường là bạn của H (hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đến nhà H chơi và mang ma túy đến sử dụng nhưng vẫn còn một ít trên bình thủy tinh để dưới gầm bàn. Đến ngày 05/02/2021, khi H đi ngủ thì H1, T, M và H2 tự ý lấy ma túy ra sử dụng nên H không biết và khi bắt công an bắt giữ không thu được ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T P tiếp tục điều tra và xử lý sau.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d, e khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm s, b khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ

luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Lương Hoàng H và Nguyễn Hoàng H1;

- Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đối với bị cáo Tân Văn T;

- Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Văn M;

- Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với Hoàng Vĩnh H2.

- Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

- Các bị cáo Lương Hoàng H, Nguyễn Hoàng H1 và Tân Văn T phạm tội: “Bắt, giữ người trái pháp luật”

- Các bị cáo Huỳnh Văn M, Hoàng Vĩnh H2 phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

Xử phạt:

- Bị cáo Lương Hoàng H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án hình phạt tù, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 05/02/2021 đến ngày 19/5/2021.

- Bị cáo Nguyễn Hoàng H1 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2021.

- Bị cáo Tân Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2021.

- Bị cáo Huỳnh Văn M 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2021.

Bị cáo Hoàng Vĩnh H 07 (bảy) tháng 16 (mười sáu) ngày tù. Bằng thời gian bị cáo tạm giam.

Áp dụng: Khoản 5 Điều 238 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Hoàng Vĩnh H đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 cân tiểu ly hiệu NILP SEVEN màu xanh, 50 bịch ni lông màu trắng kích thước 07 x 09cm, 05 bịch ni lông màu trắng kích thước 03 x 09 cm, 01 bình thủy tinh màu trắng để sử dụng ma túy vì đây là vật chứng liên quan đến vụ án, không còn giá trị sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/6/2021 giữa Công an huyện T P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện T P, tỉnh Đồng Nai).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện T P;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện T P;
- Chi cục THADS huyện T P;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA, Lưu HS, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam